

Số: 101/2005/QĐ-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 6 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Căn cứ Quyết định số 532/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 1996 - 2010”;
- Căn cứ Quyết định số 123/1998/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010”;
- Căn cứ Chỉ thị số 32/1998/CT-TTg ngày 23 tháng 9 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về “Công tác quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ đến năm 2010”;
- Theo Quyết định số 1946/QĐ-UB-KT ngày 05 tháng 4 năm 1999 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức triển khai đề án “Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội ngày 23 tháng 9 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ”;
- Theo Quyết định số 6993/QĐ-UB-QLĐT ngày 24 tháng 12 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố về “Phê duyệt quy hoạch chung huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020”;
- Xét đề nghị của Viện Kinh tế thành phố tại Công văn số 02/VKT-HQH ngày 20 tháng 01 năm 2005;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010 với những nội dung định hướng chính sau:

1. Vị trí, chức năng

Quận Bình Tân tiếp giáp cửa ngõ phía Tây của thành phố, là nơi tiếp nối với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Cơ cấu giá trị sản xuất của các ngành kinh tế trên địa bàn quận đến năm 2010 là công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, sau năm 2010 sẽ chuyển dịch theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp.

2. Mục tiêu phát triển chung

Đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; giữ tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, hiệu quả và bền vững; thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ; nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Ưu tiên phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo quy hoạch, đặc biệt là hệ thống giao thông, cấp - thoát nước; hệ thống giáo dục, y tế; thu hẹp khoảng cách về điều kiện dân sinh với các quận nội thành.

3. Mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu chủ yếu

3.1 - Dân số và lao động

3.1.1 - Giai đoạn 2006 - 2010: Kiểm soát tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở mức 1,15%/năm, tỷ lệ tăng cơ học ở mức 4,49%/năm.

3.1.2 - Giảm tỷ lệ lao động chưa có việc làm từ 6,12% năm 2003 xuống còn 5,57% năm 2010. Tăng tỷ lệ lao động đang làm việc trong độ tuổi từ 73,15% năm 2003 lên 74,76% năm 2010.

3.2 - Phát triển kinh tế

3.2.1 - Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2006 - 2010:

Công nghiệp và xây dựng tăng bình quân 22,5%/năm (trong đó, công nghiệp chế biến tăng 23%/năm; xây dựng tăng 20%/năm), các ngành dịch vụ tăng bình quân 43,2%/năm, ngành nông - lâm - ngư nghiệp tăng bình quân 1,28%/năm.

3.2.2- Cơ cấu các ngành kinh tế năm 2010:

Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng đạt 81,74% (trong đó công nghiệp chiếm 84%, xây dựng 16%); tỷ trọng các ngành dịch vụ đạt 18,13%; tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp đạt 0,13%.

3.2.2.1 - Ngành nông nghiệp:

Phát triển nông nghiệp theo hướng phục vụ đô thị xanh sạch, bền vững, bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái, tạo cảnh quan đẹp, đáp ứng cho nhu cầu của một quận đô thị mới. Kết hợp phát triển nông nghiệp phù hợp với phát triển du lịch sinh thái. Khai thác và tận dụng hết diện tích đất nông nghiệp và các khu vực kinh tế vườn, trồng những cây có hiệu quả kinh tế cao như hoa lan, cây kiểng. Duy trì và tiến tới giảm dần quy mô đàn bò sữa, đàn heo.

Về lâu dài, khi quận phát triển thành một trung tâm thương mại và dịch vụ, ngành nông nghiệp sẽ tập trung vào những lĩnh vực mang lại hiệu quả kinh tế cao như trồng cây kiểng, chăn nuôi và kinh doanh chim, cá cảnh,... Phần đầu

đạt tốc độ tăng bình quân về giá trị sản xuất của ngành nông - lâm - thủy sản là 1,28%/năm.

3.2.2.2 - Ngành công nghiệp chế biến đến năm 2010:

Phân đầu tốc độ tăng bình quân giá trị sản xuất đạt 22,5%/năm. Phát triển công nghiệp theo hướng đa dạng hóa ngành nghề, ưu tiên đầu tư phát triển những ngành tạo ra sản phẩm có hàm lượng công nghệ, kỹ thuật cao hoặc sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại (sản xuất và lắp ráp linh kiện điện tử, máy tính, máy gia dụng, sản xuất phần mềm, lắp ráp ô tô, xe máy và thiết bị điện, công nghệ sinh học, sản xuất vật liệu mới). Ổn định và duy trì các ngành công nghiệp giày da, may mặc, dệt, chế biến thực phẩm và đồ uống, sản xuất hóa chất, chế biến gỗ, sản phẩm từ cao su và plastic, sản xuất kim loại, sản xuất giấy để tăng giá trị hàng xuất khẩu.

Phát triển công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp sạch, không gây ô nhiễm. Kiên quyết thực hiện di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm nặng mà không có khả năng xử lý ô nhiễm vào các khu công nghiệp tập trung, hoặc chuyển đổi chức năng hoạt động. Tốc độ tăng bình quân giá trị sản xuất các ngành công nghiệp chính:

- + Sản xuất sản phẩm da đạt 22,5%/năm.
- + Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic đạt 23,6%/năm.
- + Điện tử, tin học, vật liệu mới và công nghệ sinh học đạt 33,5%/năm.
- + Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất đạt 22,8%/năm.
- + Chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ đạt 22,4%/năm.
- + Sản xuất trang phục đạt 24,5%/năm.

3.2.2.3 - Các ngành dịch vụ đến năm 2010:

Phân đầu tốc độ tăng bình quân doanh thu các ngành dịch vụ đạt 43,2%/năm.

Phát triển các ngành dịch vụ theo hướng kết hợp mô hình kinh doanh truyền thống với mô hình kinh doanh hiện đại nhằm tăng hiệu quả kinh doanh, đồng thời phục vụ tốt nhất cho người tiêu dùng. Ưu tiên phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị tại các khu dân cư tập trung có mật độ cao. Tập trung phát triển các ngành dịch vụ vận tải và kho bãi, khoa học - công nghệ, tư vấn và kinh doanh bất động sản,... vì đây là những ngành phù hợp với định hướng phát triển chung của quận và với vai trò là địa bàn tiếp giáp cửa ngõ nối thành phố với các tỉnh miền Tây.

Phát triển mạng lưới chợ, các trung tâm thương mại, hệ thống siêu thị: Xây dựng mới 7 chợ tại các phường Bình Trị Đông, Bình Trị Đông B, Tân Tạo, Tân Tạo A, Bình Hưng Hòa B, An Lạc. Hình thành những trung tâm thương mại, siêu thị, cao ốc văn phòng cho thuê tại các phường Tân Tạo, Tân Tạo A, Bình Trị Đông, An Lạc.

3.3 - Phát triển cơ sở hạ tầng xã hội

3.3.1 - Giáo dục:

3.3.1.1 - Hệ mầm non: Tạo điều kiện, khuyến khích phát triển nhà trẻ dân lập và tăng nhóm trẻ gia đình. Dự kiến tỷ lệ trẻ trong độ tuổi đi nhà trẻ tăng từ 16% năm 2003 lên 25% vào năm 2010. Tỷ lệ trẻ từ 3 đến 5 tuổi vào mẫu giáo tăng từ 76% năm 2003 lên 85% vào năm 2010, trong đó trẻ 5 tuổi vào mẫu giáo đạt 100% vào năm 2010 nhằm chuẩn bị tốt cho thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học.

3.3.1.2 - Hệ phổ thông:

+ Cấp tiểu học: Phần đầu 100% học sinh 6 tuổi vào lớp 1. Đến năm 2010, xây dựng mới 10 trường với 300 phòng.

+ Cấp trung học cơ sở: Phần đầu 85% học sinh đúng độ tuổi vào lớp 6. Đến năm 2010, xây dựng mới 3 trường với 76 phòng.

+ Cấp trung học phổ thông: Phần đầu 80% học sinh đúng độ tuổi vào lớp 10. Đến năm 2010, xây dựng mới 4 trường với 216 phòng.

3.3.1.3 - Hệ thường xuyên:

Xây dựng mới cơ sở vật chất Trung tâm Giáo dục thường xuyên hiện có hướng đến đạt tiêu chuẩn của giáo dục phổ thông với quy mô từ 500 đến 600 học sinh.

3.3.1.4 - Hệ dạy nghề:

Mở rộng Trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp với quy mô 2 ha; phối hợp chương trình với các cơ sở đào tạo khác để có khả năng đào tạo tay nghề bậc 3 cung ứng cho phát triển các ngành công nghiệp, tiểu - thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ của quận. Xây dựng mới trường Trung học chuyên nghiệp.

3.3.2 - Y tế:

Cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa Trung tâm y tế quận; xây dựng trung tâm tư vấn HIV-AIDS. Phần đầu đạt 5,4 bác sĩ/10.000 dân vào năm 2010. Phần đầu tăng năng lực khám và điều trị năm 2010 lên 1,8 lần so với năm 2005.

Thực hiện tốt các chương trình phòng chống bệnh, như chương trình chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em và kế hoạch hóa gia đình; chương trình phòng, chống HIV/AIDS; chương trình phòng, chống bệnh bướu cổ. Bảo đảm 100% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 6 loại vaccin; 100% trẻ em dưới 5 tuổi uống vaccin phòng bại liệt. Thực hiện tốt chương trình chăm sóc sức khỏe trẻ em nhằm giảm tỷ lệ trẻ em tử vong dưới 1 tuổi và giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi.

Thực hiện xã hội hóa y tế, khuyến khích các thành phần kinh tế mở phòng khám, nhà hộ sinh, bệnh viện để đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân.

3.3.3 - Văn hóa, thể thao:

3.3.3.1 - Văn hóa:

Phấn đấu đến năm 2010 có 80% khu phố đạt khu phố văn hóa; 95% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa; 100% cơ quan, đơn vị, trường học đóng trên địa bàn quận đạt tiêu chuẩn công sở văn minh, sạch đẹp, an toàn. Từ nay đến năm 2010, xây dựng mới 1 trung tâm văn hóa - thể thao ở khu đô thị mới của quận; xây dựng 1 thư viện quận, mở rộng và xây dựng nhiều phòng đọc sách ở các phường; xây dựng ở mỗi phường 1 tụ điểm sinh hoạt ngoài trời.

3.3.3.2- Thể thao:

Phát triển rộng khắp phong trào thể dục - thể thao. Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, huấn luyện viên thể dục - thể thao để đáp ứng nhu cầu phát triển các loại hình thể dục - thể thao trong quận.

Đến năm 2010 xây dựng 1 sân bóng đá đạt chuẩn quốc gia; xây dựng ở mỗi phường 1 sân bóng chuyên nhằm phục vụ nhu cầu luyện tập của nhân dân.

3.4- Phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật

3.4.1- Giao thông:

3.4.1.1- Đường bộ:

Tập trung đầu tư xây dựng mới và nâng cấp để đạt tiêu chuẩn quy định về chất lượng đường và lộ giới cho các tuyến đường do quận, phường quản lý. Phấn đấu đến năm 2010 đạt tỷ lệ 2,2 km đường/km²; diện tích đất giao thông chiếm 21% diện tích đất tự nhiên. Mở rộng và nhựa hóa các tuyến đường nội bộ của các phường. Hình thành và phát triển hệ thống đường chính cấp 1 và cấp 2 bao gồm quốc lộ 1A, đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ, đường vành đai phía Nam, đường vành đai trong, đường Kinh Dương Vương, đường Đông-Tây thành phố,... Xây dựng mới một số bến bãi đậu xe, gồm bến bãi giao thông công cộng và bãi đậu xe tại các trung tâm khu vực. Đảm bảo nhu cầu vận chuyển hàng hóa và hành khách với qui mô lớn, tránh ùn tắc giao thông.

3.4.1.2- Đường sắt:

Quy hoạch định hướng vị trí hành lang tuyến đường sắt quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Miền Tây đi qua địa bàn quận và tuyến đường sắt nội đô dự kiến được hình thành trên cơ sở hành lang tuyến đường Kinh Dương Vương và hành lang một số tuyến đường bộ khác với tổng chiều dài là 4,2km.

3.4.1.3- Đường sông:

Hình thành tuyến vành đai giao thông thủy theo đoạn kênh sông trên địa bàn quận, gồm sông Bà Hom, kênh Nước Lên.

3.4.2- Cấp nước:

Từ nay đến năm 2010, ngoài nhà máy nước Thủ Đức và nhà máy nước ngầm Bình Trị Đông, trên địa bàn quận sẽ có thêm những nguồn nước máy mới được cung cấp từ nhà máy nước sông Sài Gòn giai đoạn I công suất 300.000m³/ngày, giai đoạn II công suất 300.000 m³/ngày ; nhà máy nước Thủ Đức công suất 300.000m³/ngày; nhà máy nước kênh Đông Củ Chi công suất

150.000m³/ngày. Trong năm 2006, xây dựng mạng cấp nước cấp 1 và cấp 2 và xây dựng các tuyến ống cấp nước chính thuộc hệ thống nhà máy nước sông Sài Gòn gồm:

- + Tuyến 1.500 mm trên đường Bình Long - An Dương Vương.
- + Tuyến 800 mm trên đường Quốc lộ 1A.
- + Tuyến 800 mm trên đường Hương lộ 15.
- + Tuyến 500 mm trên đường Hương lộ 2.
- + Tuyến 600 mm trên đường Tỉnh lộ 10.

Đến năm 2010, xây dựng mạng cấp nước cấp 3. Phần đầu nước sinh hoạt bình quân đầu người đạt 180lít/người/ngày đêm và nước phục vụ sản xuất công nghiệp bình quân đạt 50m³/ha ngày đêm.

3.4.3- Thoát nước và vệ sinh đô thị:

Từ nay đến năm 2010, tập trung xây dựng hệ thống cống riêng và trạm xử lý nước thải cục bộ cho từng cụm dân cư. Nước thải công nghiệp được thu gom vào hệ thống cống riêng và xử lý theo từng khu công nghiệp trước khi thoát vào mương rạch gần nhất. Đến năm 2010, nước thải sinh hoạt bình quân đầu người đạt 180lít/người/ngày đêm và nước thải công nghiệp bình quân đạt 50m³/ha/ngày đêm.

3.4.4- Cấp điện:

Phần đầu phát triển mạng lưới điện theo hướng hiện đại hóa, xây dựng các trạm cung cấp điện, trạm biến thế, cải tạo mạng lưới điện hạ thế, đảm bảo an toàn, mỹ quan, phù hợp với kiến trúc đô thị và giao thông trên địa bàn quận. Đến năm 2010 xây dựng đường dây 500Kv Phú Lâm đi nhiệt điện Ô Môn, đoạn qua địa bàn quận dài khoảng 5,2km. Lưới phân phối trung thế của quận sẽ được cải tạo và xây dựng theo tiêu chuẩn cấp điện áp 22Kv. Đến năm 2010, điện sinh hoạt bình quân đầu người đạt 2.000Kwh/người/năm và điện cho công nghiệp bình quân đạt 250 - 500 Kw/ha.

3.4.5- Thông tin liên lạc:

3.4.5.1- Bưu chính: Phần đầu đến năm 2010, có 10 trạm điện thoại, có 90.000 số máy thuê bao, mật độ điện thoại là 17máy/100 dân.

3.4.5.2- Viễn thông: Đến năm 2010, nâng tổng dung lượng của đài và trạm lên trên 32.000 số, chỉnh trang toàn bộ mạng ngoại vi để phù hợp với hệ thống đường giao thông và mạng lưới điện, từng bước cáp quang hóa và ngầm hóa ở các khu vực dân cư mật độ cao và cải tạo hệ thống cáp treo,... tiến hành xây dựng mới đài đầu cuối (trạm thu phát) và phát triển các dịch vụ, trong đó đặc biệt quan tâm đến Internet kỹ thuật mới.

3.4.6- Nhà ở:

Mục tiêu lâu dài là cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu. Phát triển các khu nhà ở phục vụ tái định cư. Xây dựng khu tiểu đô thị mới thuộc các

phường Tân Tạo, Tân Tạo A. Xây dựng khu dân cư mới thuộc phường Bình Hưng Hòa B,... Thực hiện chương trình giãn dân của thành phố, phân bố dân cư hợp lý.

Phấn đấu đến năm 2010, nâng diện tích quỹ nhà ở bình quân từ 6,3m²/người năm 2003 lên 14,2 m²/người; tăng tỷ lệ nhà kiên cố lên 70%.

3.4.7- Công trình công cộng:

Xây mới các công trình công cộng khu vực (liên phường) và các công trình công cộng tại các khu dân cư để đáp ứng nhu cầu về giáo dục, y tế, văn hóa.

3.4.8- Công viên và cây xanh:

Mục tiêu phát triển là xây dựng các khu công viên tập trung nhằm cân bằng môi trường; thực hiện chương trình bảo vệ môi trường đô thị, môi trường sinh thái, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên vào mục đích cải tạo và xây dựng.

3.4.9- Bảo vệ môi trường:

Quận phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng của thành phố xây dựng kế hoạch theo dõi, quản lý tốt và có các giải pháp xử lý tốt tất cả các nguồn chất thải từ sản xuất - kinh doanh và sinh hoạt nhằm bảo đảm môi trường sống lành mạnh và bảo vệ sức khỏe của nhân dân; tăng cường giám sát, kiểm soát giao thông đường bộ để giảm ô nhiễm về độ bụi, tiếng ồn, nồng độ các chất độc hại trong không khí; hạn chế tối đa việc thải chất bẩn ra sông rạch.

4. Tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch

Quận phối hợp chặt chẽ với các sở - ngành thành phố có liên quan để xây dựng các chính sách và giải pháp cụ thể, nhằm thực hiện thành công mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đề ra.

4.1- Những điểm cần chú ý khi thực hiện quy hoạch:

4.1.1- Cần xây dựng kế hoạch thực thi thống nhất, đồng bộ và có hiệu quả trên cơ sở kết hợp cả hai đề án: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội quận đến năm 2010 và quy hoạch chung của quận đến năm 2020 đã được phê duyệt.

4.1.2- Công khai hóa quy hoạch chi tiết đã hoàn tất và được phê duyệt bằng cách thông báo rộng rãi cho nhân dân trong quận và các nhà đầu tư biết để thực hiện.

4.1.3- Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý xây dựng trên địa bàn, kiên quyết xử lý các trường hợp xây dựng không phép.

4.2- Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm phối hợp với các sở - ngành thành phố có liên quan để lập và trình Ủy ban nhân dân thành phố danh mục các chương trình đầu tư, các dự án phát triển kinh tế - xã hội theo thứ tự ưu tiên nhằm thực hiện có hiệu quả quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội và quy hoạch chung (mặt bằng xây dựng) của quận đã được phê duyệt và dựa vào danh mục

các chương trình, dự án đã được luận chứng theo thứ tự ưu tiên này để lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và từng năm của quận.

Điều 2. Ủy ban nhân dân quận Bình Tân có kế hoạch kiểm tra, theo dõi việc thực hiện quy hoạch một cách chặt chẽ. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh những vấn đề cần phải điều chỉnh, Ủy ban nhân dân quận cần trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét để có quyết định điều chỉnh kịp thời.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Viện trưởng Viện Kinh tế thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình Tân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP;
- Ủy ban nhân dân TP;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam TP;
- Các Đoàn thể TP;
- Văn phòng Thành ủy và các Ban Thành ủy;
- Các Ban Hội đồng nhân dân thành phố;
- VP HĐND-UBND: Các PVP, các Tổ NCTH;
- Lưu (TH/LT) H.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Hải